

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: 1685/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình di chuyển phà
Hoành, xã Định Tân về bến phà xã Định Công qua sông Mã nối
huyện Yên Định và huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thực hiện Văn bản số 1928/UBND-CN ngày 06/3/2015 về việc điều chỉnh tuyến đường đi cầu Yên Hoành nối QL45 với QL217 lên đường tỉnh, di chuyển phà Hoành xã Định Tân về bến phà xã Định Công và chuyển đổi một số đoạn ĐT516B thành ĐT516C và đường xã; Văn bản số 3498/UBND-CN ngày 17/4/2015 về việc thanh thải bến phà Hoành và lập dự án di chuyển bến phà Hoành, xã Định Tân về bến phà xã Định Công và Văn bản số 790/UBND-CN ngày 22/01/2016 về việc vị trí, quy mô bến phà Định Công qua sông Mã nối huyện Yên Định và huyện Vĩnh Lộc của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1787/TTr-SGTVT ngày 06/5/2016 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình di chuyển phà Hoành xã Định Tân về bến phà xã Định Công qua sông Mã, nối huyện Yên Định và huyện Vĩnh Lộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (KTKT) công trình di chuyển phà Hoành xã Định Tân về bến phà xã Định Công qua sông Mã, nối huyện Yên Định và huyện Vĩnh Lộc, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Di chuyển phà Hoành xã Định Tân về bến phà xã Định Công qua sông Mã nối huyện Yên Định và huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

2. Nhóm dự án, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình giao thông cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: huyện Yên Định và huyện Vĩnh Lộc.

4. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KTKT: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng giao thông 2. Địa chỉ: 278 đường Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

6.1. Nội dung đầu tư: Di chuyển phà Hoàn xã Định Tân về bến phà xã Định Công và đầu tư sơ sở hạ tầng bến phà Định Công để thay thế bến đò cũ; nâng cao năng lực lưu thông và bảo đảm an toàn giao thông trong khu vực.

Điểm đầu tại nút giao giữa đường xuống bến cũ với đường đê hữu sông Mã, thuộc xã Định Công, huyện Yên Định; điểm cuối giao với đường trên đê tả sông Mã tại lý trình đê Km27+553, thuộc xã Vĩnh An huyện Vĩnh Lộc. Vị trí bến cách mép lan can cầu (dự kiến) trên đường cao tốc Ninh Bình - Thanh Hóa về phía thượng lưu khoảng 47m (phía Yên Định) và khoảng 63m (phía Vĩnh Lộc).

6.2. Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật: Tính chất công trình bán vĩnh cửu loại B, cấp VI theo TCVN 9859:2013 “Bến phà, bến cầu phao đường bộ - Yêu cầu thiết kế”, với các tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu:

- Loại phà: ô tô, chạy bằng sức nước có ca nô lái dắt hỗ trợ, kết hợp पुली cáp bảo hiểm (sử dụng lại phà và một số vật liệu tháo dỡ: cáp, पुली, cột pylon,... từ phà Hoàn). Tải trọng ô tô H18, lưu lượng xe thiết kế <100xe/ngày đêm.

- Mức nước chạy phà: mức nước thấp nhất -1,09m (mức nước kiệt tần suất P95%), mức nước cao nhất +4,40m (mức nước cao nhất hàng năm tại vị trí bến).

6.3. Các giải pháp kỹ thuật:

- Bình đồ: Phía Yên Định cơ bản bám theo đường xuống bến cũ; phía Vĩnh Lộc thiết kế tuyến mới, đầu nối từ bến lên đê; bán kính đường cong nằm $R_{\min}=25m$.

Bến và đường xuống bến: Chiều dài phía Yên Định $L=66,17m$, phía Vĩnh Lộc $L=120,51m$; chiều dài lườn bến mỗi phía $L_b=16m$.

- Trắc dọc: Thiết kế phù hợp với địa hình; độ dốc dọc $i=10\%$; độ dốc dọc bến và lườn bến $i=13\%$.

- Trắc ngang: $B_n=B_m=10,5m$; độ dốc ngang $i_m=2\%$.

- Nền đường: taluy nền đắp 1/2 (phía thượng lưu), 1/1,5 (phía hạ lưu); taluy nền đào 1/1. Nền đắp bằng đất đầm lèn chặt bảo đảm $K \geq 0,95$, lớp trên cùng (tiếp giáp móng đường) đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$, chiều dày 50cm. Gia cố mái taluy bằng đá hộc xây vữa xi măng M100, chân khay bằng bê tông 16Mpa.

- Kết cấu móng, mặt đường: Móng bằng đá dăm tiêu chuẩn 4x6 dày 20cm; mặt đường bê tông xi măng 30Mpa dày 24cm; ngăn cách móng và mặt đường bằng lớp giấy dầu.

- Rãnh dọc: Bằng đá hộc xây vữa xi măng M100, kích thước $(1,2+0,4) \times 0,4m$.

- Phần bến: $B_n=B_m=10,5m$; độ dốc ngang $i_m=0\%$; độ dốc dọc $i=13\%$. Thành lườn bến bằng BTCT, kết cấu móng cọc BTCT 30Mpa, tiết diện $35 \times 35cm$, chiều dài dự kiến 8m (phía Yên Định) và 15m (phía Vĩnh Lộc); giằng

đầu cọc BTCT 30Mpa, các mặt bên được bố trí các tấm BTCT tạo thành vòng vây, bên trong đắp đá hộc chèn chèn chặt, phía ngoài bố trí rọ đá chống xói kích thước (1x1x1,5)m, chiều cao 1,5m; thành bên gần bờ xây dựng tường kè bằng BTXM 16MPa đặt trên nền đất gia cố cọc tre; lòng lườn bên đắp đá hộc chèn chèn chặt, đoạn từ lườn bên đến đường xuống bến đắp bằng đất đầm lèn chặt bảo đảm $K \geq 0,95$, lớp trên cùng (tiếp giáp móng đường) chiều dày 50cm đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

- Hệ cáp bảo hiểm giữ phà: cáp chủ sử dụng loại cáp thép D60 được căng ngang sông đặt trên trụ pylon, đầu cáp được neo vào hố neo BT 20Mpa. Cáp neo và các thiết bị phục vụ neo phà như pully lèo... được tận dụng từ phà Hoàn, trước khi đưa vào lắp đặt, cáp neo được kiểm định lại và bổ sung một số thiết bị như: cáp lèo, bộ điều chỉnh căng cáp...

- Cột pylon bằng kết cấu thép 2C400 có các liên kết ngang bằng thép L75x75x8 (tận dụng từ phà Hoàn). Móng cột pylon được thiết kế mới bằng BTXM 20Mpa, đặt trên nền đất được gia cố cọc tre.

- Gia cố bờ sông: phía Yên Định bằng đá hộc xây VXM M100 dày 30cm; phạm vi gia cố tính từ mép bến về mỗi phía 15m; phía Vĩnh Lộc bằng đá hộc xây VXM M100 dày 30cm, kết hợp với đá hộc xếp khan và rỗng đá vỏ thép mạ kẽm D=60cm. Phạm vi gia cố tính từ mép bến về phía phía thượng lưu 25m (kết nối với phần kè gia cố bãi sông hiện có); về phía hạ lưu 15m.

- Nhà điều hành: đặt ở cạnh đường xuống bến; kết cấu nhà tạm lắp ghép bằng khung thép, vách và mái tôn; có thể di dời khi có lũ.

- Hệ thống an toàn giao thông gồm: Trụ tiêu, biển báo, sơn kẻ đường.. hoàn thiện theo QCVN 41:2012/BGTVT và QCVN 39:2011/BGTVT.

7. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Như tại quyết định phê duyệt đề cương dự toán KSTK lập Báo cáo KTKT và KHĐT gói thầu Tư vấn KSTK lập Báo cáo KTKT công trình và cập nhật các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành khác liên quan đến dự án.

8. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

8.1. Tổng mức đầu tư: 10.863.725.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng	166.950.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	8.241.234.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	175.776.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	794.820.000 đồng
- Chi phí khác:	496.945.000 đồng
- Dự phòng:	988.000.000 đồng

(chi tiết có phụ biểu kèm theo)

8.2. Nguồn vốn: Sự nghiệp kinh tế giao thông.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

10. Thời gian thực hiện dự án: năm 2016.

Điều 2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa căn cứ quyết định này triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;

- Lưu: VT, CN.

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Tuấn

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Công trình: Di chuyển phà Hoàng xã Định Tân về bến phà xã Định Công
qua sông Mã nối huyện Yên Định và huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa**
(Kèm theo Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của Chủ tịch UBND
tỉnh Thanh Hóa)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	8.241.234.000
II	CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	166.950.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	175.776.000
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	794.820.000
1	Chi phí khảo sát bước lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	352.000.000
2	Chi phí thiết kế bước lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	172.174.000
3	Chi phí cắm cọc giải phóng mặt bằng	5.828.930
4	Chi phí thăm tra thiết kế	11.216.000
5	Chi phí thăm tra dự toán	10.969.000
6	Chi phí giám sát KTXD	219.289.000
7	Chi phí lập, đánh giá, thẩm định HSMT, thẩm định kết quả ĐTXL	23.343.000
V	CHI PHÍ KHÁC	496.945.000
1	Lệ phí thẩm định thiết kế cơ sở	2.064.108
2	Chi phí thăm tra phê duyệt quyết toán	16.949.323
3	Chi phí kiểm toán	62.194.093
4	Chi phí bảo hiểm công trình	36.261.430
5	Chi phí rà phá bom mìn	149.675.340
6	Chi phí phục vụ thi công	229.800.948
	- Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	82.412.340
	- Chi phí trực tiếp phục vụ thi công	147.388.608
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	988.000.000
1	Dự phòng khối lượng	494.000.000
2	Dự phòng trượt giá	494.000.000
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	10.863.725.000